

BÀI 3: KIỂU NHÀ NƯỚC

1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Mục đích: hiểu được khái niệm kiểu nhà nước, cơ sở tồn tại của nhà nước và sự vận động thay đổi từ một kiểu nhà nước này sang một kiểu nhà nước khác.
- Yêu cầu: người học cần nắm các vấn đề sau
 - + Khái niệm về kiểu nhà nước;
 - + Cơ sở tồn tại của nhà nước và các kiểu nhà nước trong lịch sử;
 - + Quy luật về sự thay đổi từ kiểu nhà nước này sang kiểu nhà nước khác.

2. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ĐH Luật Hà Nội, Giáo trình Lý luận về Nhà nước và Pháp luật, NXB CAND, Hà Nội 2004.
- Khoa Luật – ĐH Quốc gia Hà Nội, NXB ĐHQGHN, Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội 2005.
- PGS. TS. Đỗ Lộc Diệp, Chủ nghĩa tư bản ngày nay: mâu thuẫn nội tại – xu thế - triển vọng, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 2003.
- Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 – 2000, Michel Beaud, NXB Thế giới, Hà Nội 2002.

3. ĐỀ CƯƠNG NỘI DUNG

3.1. VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂU NHÀ NƯỚC

- Cơ sở để phân chia các nhà nước trong lịch sử ra thành từng kiểu theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin là sự khác biệt của hình thái kinh tế - xã hội.
- *Khái niệm kiểu Nhà nước*: là tổng thể những dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản của nhà nước thể hiện bản chất giai cấp, vai trò xã hội, những điều kiện phát sinh, tồn tại và phát triển của nhà nước trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định.

3.1.1. Cơ sở tồn tại của kiểu Nhà nước

- Cơ sở kinh tế: là toàn bộ đời sống kinh tế của một *mô hình tổ chức xã hội* mà trong đó cốt lõi là các quan hệ sở hữu.
- Cơ sở xã hội: là những cấu trúc, những quan hệ xác định vị trí, vai trò của các cộng đồng người trong khuôn khổ một quốc gia.

- Cơ sở tư tưởng: xác định nhà nước xây dựng trên những cơ sở lý thuyết và chịu ảnh hưởng bởi những yếu tố lý luận, tư tưởng nào?

3.1.2. Đặc điểm

- Đặc điểm chung của mỗi hình thái kinh tế - xã hội sẽ quyết định những dấu hiệu cơ bản, đặc thù của một kiểu nhà nước tương ứng.
- Mỗi kiểu nhà nước phù hợp với một chế độ kinh tế nhất định của một xã hội có giai cấp.
- Tương ứng với bốn hình thái kinh tế - xã hội có bốn kiểu nhà nước trong lịch sử: kiểu nhà nước chủ nô, kiểu nhà nước phong kiến, kiểu nhà nước tư bản chủ nghĩa, kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa.

3.1.3. Sự thay thế của các kiểu nhà nước

- Sự thay thế kiểu nhà nước này bằng một kiểu nhà nước mới tiến bộ hơn là một quy luật tất yếu.
- Cách mạng là phương thức dẫn đến sự thay thế các kiểu nhà nước, các cuộc cách mạng diễn ra trong lịch sử đều tuân theo quy luật.
- Sự thay thế của các kiểu nhà nước đều bắt nguồn từ sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội.
- Một kiểu nhà nước mới xuất hiện trong quá trình cách mạng khi giai cấp cầm quyền cũ bị lật đổ và giai cấp thống trị mới giành được chính quyền.

3.2. CÁC KIỂU NHÀ NƯỚC TRONG LỊCH SỬ

3.2.1. Kiểu Nhà nước Chủ nô

- Cơ sở kinh tế: quan hệ sản xuất chủ nô đặc trưng bởi chế độ chiếm hữu của chủ nô đối với toàn bộ tư liệu sản xuất người lao động là nô lệ.
 - + Chiếm hữu nô lệ phương Đông: ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu trong xã hội thuộc quyền sở hữu tối cao của nhà Vua.
 - + Chiếm hữu nô lệ phương Tây: chủ nô trực tiếp chiếm hữu những điền trang lớn, những xưởng thủ công, thương thuyền và những người nô lệ.
- Cơ sở xã hội: trong xã hội tồn tại nhiều giai cấp như chủ nô, nông dân, nô lệ và ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công. Trong đó hai giai cấp đối kháng chính là chủ nô và nô lệ. Chủ nô là giai cấp thống trị xã hội còn nô lệ là giai cấp bị trị và bị bóc lột chủ yếu.
 - + Chiếm hữu nô lệ điển hình phương Tây: nô lệ là tài sản riêng của chủ nô, mối quan hệ bóc lột chủ yếu diễn ra giữa chủ nô và nô lệ.

- + Chiếm hữu nô lệ không điển hình (chế độ nô lệ gia trưởng) phương Đông: nô lệ không phải là lực lượng tạo ra của cải chủ yếu cho xã hội, quan hệ bóc lột diễn ra giữa giai cấp chủ nô và nông dân.
- Cơ sở tư tưởng: là đa thần đạo, giai cấp thống trị đã sử dụng tôn giáo làm sức mạnh tinh thần.

3.2.2. Kiểu Nhà nước Phong kiến

- Cơ sở kinh tế: là quan hệ sản xuất phong kiến đặc trưng bởi chế độ chiếm hữu của địa chủ phong kiến đối với đất đai, tư liệu sản xuất khác và đối với một phần sức lao động của nông dân.
 - + Phong kiến phương Tây: chế độ tư hữu ruộng đất phát triển triệt để, nông dân hoàn toàn không có ruộng đất và trở thành nông nô.
 - + Phong kiến phương Đông: nông dân cày ruộng thuộc quyền tư hữu của địa chủ phong kiến, theo phát canh và thu địa tô; hoặc ruộng công hữu thuộc quyền quản lý của làng xã trên danh nghĩa thuộc quyền sở hữu của nhà Vua, nộp thuế ruộng đất cho nhà nước.
- Cơ sở xã hội: quan hệ giai cấp được mở rộng, ngoài hai giai cấp chính là địa chủ và nông dân còn có các tầng lớp thị dân, thương gia,... Giai cấp thống trị bóc lột thông qua địa tô, tính chất bóc lột mang tính gián tiếp thông qua đất đai.
 - + Phong kiến phương Tây: phong kiến được gọi là lãnh chúa, quan hệ bóc lột chủ yếu diễn ra giữa họ và nông nô.
 - + Phong kiến phương Đông: phong kiến được gọi là địa chủ, quan hệ bóc lột chủ yếu diễn ra giữa họ và tá điền.
- Cơ sở tư tưởng: các nhà nước phong kiến đã xây dựng quốc đạo.

3.2.3. Kiểu Nhà nước Tư sản

- Cơ sở kinh tế - xã hội cho sự tồn tại của Chủ nghĩa tư bản:
 - + Cơ sở kinh tế: quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đặc trưng bởi chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và bóc lột thông qua giá trị thặng dư.
 - + Cơ sở xã hội: xã hội tồn tại hai giai cấp chính là vô sản và tư sản. Ngoài ra còn có các tầng lớp khác như trí thức, tiểu thương, thợ thủ công... Giai cấp tư sản trở thành giai cấp thống trị.
 - + Cơ sở tư tưởng: tư tưởng tồn tại trên hai mặt, tôn giáo và thuyết đa nguyên.
- Lịch sử phát triển của Chủ nghĩa tư bản:
 - + Giai đoạn đầu (cạnh tranh tự do) của chủ nghĩa tư bản: là giai đoạn hình thành và phát triển hình thức tư hữu tư sản đối với tư liệu sản xuất.

- + Giai đoạn đế quốc chủ nghĩa: là giai đoạn với sự hình thành của các tập đoàn tư bản hùng mạnh nhà nước.
- + Giai đoạn tự thích ứng của chủ nghĩa tư bản hiện đại: vai trò xã hội của nhà nước được đề cao.
- Sự tiến bộ so với các kiểu nhà nước trước đó:
 - + Chế độ dân chủ tư sản. Quyền tự do của con người.
 - + Sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa học kỹ thuật.
 - + Tính chất mối quan hệ bóc lột thay đổi so với các kiểu nhà nước trước đó,...

DO NOT COPY

4. CÂU HỎI

4.1. Câu hỏi nhận định

Hãy trình bày quan điểm riêng của anh (chị) về các nhận định sau đây theo hướng đúng hay sai? Giải thích tại sao?

- 61) Sự thay thế của các hình thái kinh tế - xã hội sẽ tất yếu dẫn đến sự thay thế kiểu nhà nước.
- 62) Trong lịch sử, không phải kiểu nhà nước ra đời sau bao giờ cũng tiến bộ hơn so với kiểu nhà nước ra đời trước đó.
- 63) Các quốc gia trên thế giới đều phải lần lượt trải qua 3 kiểu nhà nước (chủ nô, phong kiến và tư sản) trong lịch sử và tất yếu tiến lên kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa.
- 64) Giữa các kiểu nhà nước khác nhau sẽ có sự khác biệt cơ bản về cơ sở kinh tế, cơ sở xã hội và cơ sở tư tưởng.
- 65) Quan hệ sở hữu là trung tâm điểm trong cơ sở tồn tại của các kiểu nhà nước.
- 66) Sự tồn tại của nô lệ là đặc trưng cơ bản của kiểu nhà nước chiếm hữu nô lệ, và chỉ có nhà nước chiếm hữu nô lệ mới cho phép tồn tại nô lệ.
- 67) Vua đứng đầu nhà nước là dấu hiệu để xác định kiểu nhà nước phong kiến.
- 68) Vô sản là giai cấp không được thừa nhận và bảo vệ quyền sở hữu tài sản trong kiểu nhà nước tư bản chủ nghĩa.
- 69) Các kiểu nhà nước bóc lột (chủ nô, phong kiến và tư sản) không bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng, không đáp ứng những nhu cầu đòi hỏi những tầng lớp bị trị trong xã hội.

4.2. Câu hỏi thảo luận

Anh (chị) hãy trình bày quan điểm của cá nhân mình theo hướng ủng hộ hoặc phản đối đối với những nhận định, tình huống sau đây:

- 70) Trong giai đoạn hiện nay, để đảm bảo sự thống trị về kinh tế của giai cấp cầm quyền và đi đúng định hướng kinh tế mà nhà nước lựa chọn *đòi hỏi kinh tế nhà nước phải là chủ đạo*.
- 71) Trong văn kiện của Đại hội II của Đảng họp tại Việt Bắc năm 1951, khi Đảng Cộng sản chính thức là đảng cầm quyền, trong Báo cáo “Bản về cách mạng Việt Nam” của đồng chí Trường Chinh khái niệm “*chuyên chính vô sản*” chính thức được sử dụng và xác định rõ ràng với tư cách hình thức nhà nước xuyên suốt tiến trình cách mạng vô sản, thể hiện dưới dạng chuyên chính dân chủ nhân dân. Từ đó khái niệm “*chuyên chính vô sản*” đã trở thành điểm tựa vững chắc cho sự thẩm định về lập trường, phẩm chất cũng như về tình cảm của người cộng sản, người cán bộ cách

mạng. Cho đến Đại hội VII của Đảng, lần đầu tiên khái niệm này với tư cách là bản chất của Nhà nước XHCN đã không được nói đến nữa, thay vào đó là khái niệm “xây dựng Nhà nước XHCN, nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”.

Với những sự thay đổi ấy, đặc biệt trong giai đoạn hiện đại hiện nay, anh (chị) có suy nghĩ như thế nào đối với quan điểm cho rằng: “để đảm bảo sự thống trị về chính trị nhà nước phải là công cụ chuyên chính của một giai cấp”.

(*Chuyên chính* được hiểu là trấn áp sự chống đối giai cấp thống trị bằng bạo lực)

- 72) Sự thống trị về tư tưởng của giai cấp cầm quyền không chỉ đòi hỏi nhà nước bảo đảm cho sự chi phối quan điểm chính trị của giai cấp cầm quyền trong các lĩnh vực của đời sống, mà còn cần phải tiến đến sự thống trị duy nhất về mặt tư tưởng trong toàn xã hội của hệ tư tưởng của giai cấp cầm quyền.

4.3. Câu hỏi tiểu luận, thuyết trình

- 73) Anh (chị) hãy phân tích và nêu nhận xét của mình về một (hoặc nhiều) trong số các yếu tố thuộc *cơ chế tự điều chỉnh* của chủ nghĩa tư bản ngày nay.
- 74) Anh (chị) hãy trình bày những điểm khác biệt cơ bản của nhà nước tư sản trong *giai đoạn đế quốc chủ nghĩa với* giai đoạn tự thích ứng của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

